

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
N7, KCN Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	6-7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	8-9
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10-25
6. Phụ lục	26-29

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178,971,905,749	155,353,239,170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,047,330,497	26,128,510,689
1. Tiền	111		2,047,330,497	26,128,510,689
2. Các khoản tương đương tiền	112		21,000,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117,072,981,499	90,597,383,871
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	116,519,904,274	90,533,691,086
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	674,296,240	149,763,800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		17,153	526,248
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(121,236,168)	(86,597,263)
IV. Hàng tồn kho	140		37,385,707,917	37,834,667,081
1. Hàng tồn kho	141	V.5	37,385,707,917	37,834,667,081
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,465,885,836	792,677,529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	736,191,070	319,166,667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		681,169,366	84,428
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	48,525,400	473,426,434

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75,352,630,821	84,771,054,532
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51,892,802,995	60,891,171,543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	51,490,349,541	60,097,598,808
<i>Nguyên giá</i>	222		96,108,862,965	91,764,119,335
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,618,513,424)	(31,666,520,527)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	395,160,988	106,842,092
<i>Nguyên giá</i>	228		538,905,454	164,360,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(143,744,466)	(57,517,908)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7,292,466	686,730,643
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12,450,000,000	12,450,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	12,450,000,000	12,450,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11,009,827,826	11,429,882,989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11,009,827,826	11,429,882,989
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		254,324,536,570	240,124,293,702

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		61,913,533,301	67,901,810,739
I. Nợ ngắn hạn	310		61,730,114,265	67,696,229,753
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.12	51,210,332,924	56,651,958,131
3. Người mua trả tiền trước	313		265,558,817	13,750,916
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	421,271,595	392,712,571
5. Phải trả người lao động	315	V.14	3,425,021,036	3,199,479,729
6. Chi phí phải trả	316	V.15	215,851,352	123,185,956
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	682,372,814	1,178,575,727
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	5,509,705,727	6,136,566,723
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		183,419,036	205,580,986
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	183,419,036	205,580,986
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192,411,003,269	172,222,482,963
I. Vốn chủ sở hữu	410		192,411,003,269	172,222,482,963
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,527,143,181	1,583,961,363
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2,914,043,581	2,914,043,581
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	17,450,944,079	17,450,944,079
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	9,874,660,976	6,788,329,220
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	60,644,211,452	43,485,204,720
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		254,324,536,570	240,124,293,702

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.980.255.288	91.052.908.022	336.370.374.295	316.759.881.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1		112.218.900	34.927.681	315.488.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	79.980.255.288	90.940.689.122	336.335.446.614	316.444.392.614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.386.576.425	69.768.047.671	260.040.004.674	244.022.691.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.593.678.863	21.172.641.451	76.295.441.940	72.421.701.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	813.060.973	644.693.967	3.192.196.782	1.359.407.263
7. Chi phí tài chính	22			217.031.964	5.020.654	2.124.822.440
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	217.031.964	5.020.654	2.124.822.440
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	2.343.526.604	1.638.913.368	7.025.180.198	5.587.525.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.560.298.108	2.336.671.129	9.611.647.696	7.363.672.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.502.915.124	17.624.718.957	62.845.790.174	58.705.088.175
11. Thu nhập khác	31		7.455	3.785.692	80.372	4.165.292
12. Chi phí khác	32		67.084	(49.944.946)	5.411.011	5.335.738
13. Lợi nhuận khác	40		(59.629)	53.730.638	(5.330.639)	(1.170.446)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.502.855.495	17.678.449.595	62.840.459.535	58.703.917.729
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	370.171.752	195.275.387	1.113.824.353	423.046.113

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.132.683.743	17.483.174.208	61.726.635.182	58.280.871.616
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.313	2.851	6.173	9.505

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2012



(Signature)

Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng

(Signature)

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62,840,459,535	41,025,468,134
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8; V.9	13,038,219,455	9,534,535,240
- Các khoản dự phòng	03		34,638,905	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(787,319,110)	(534,042,809)
- Chi phí lãi vay	06			1,907,790,476
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75,125,998,785	51,933,751,041
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26,766,420,437)	9,662,784,382
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		448,959,164	(3,953,733,899)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5,455,142,421)	12,718,930,921
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,030,760	(236,501,537)
- Tiền lãi vay đã trả	13			(1,907,790,476)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(1,020,098,374)	(555,993,178)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			300,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7,164,975,872)	(3,914,030,239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35,171,351,605	64,047,417,015
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.9	(4,039,850,907)	(2,782,953,968)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	787,319,110	534,042,809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,252,531,797)	(9,748,911,159)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	6,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(8,629,733,273)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(35,000,000,000)	(39,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35,000,000,000)	(41,629,733,273)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3,081,180,192)	12,668,772,583
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26,128,510,689	26,119,238,421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	23,047,330,497	38,788,011,004

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2012



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, cầu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cầu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu, vận chuyển hàng hóa; Cho thuê xe máy, thiết bị.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 273 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 270 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc và thiết bị	02-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Tiêu chuẩn kỹ thuật công

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05
Chương trình tổ chức hành chính	05

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	108.103.164	105.803.917
Tiền gửi ngân hàng	1.939.227.333	26.022.706.772
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	-
Cộng	23.047.330.497	26.128.510.689

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	92.929.035.281	72.665.783.876
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	7.521.246.168	6.397.319.284
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hiệp Phong	2.104.624.459	1.750.112.529
Công ty TNHH đầu tư – xây dựng Nguyên Cát	1.756.208.022	4.617.651.119
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	228.189.312	
Công Ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước - Môi Trường Bình Dương.	3.121.605.773	
Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Thiên Nam	1.193.034.817	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	4.060.690.775	
Công Ty CP Xây Dựng U&I	1.108.129.655	
Các khách hàng khác	2.497.140.012	5.102.824.278
Cộng	116.519.904.274	90.533.691.086

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ - xây dựng - cơ khí thiết bị nâng Anh Tuấn	321.000.000	
Các nhà cung cấp khác	353.296.240	149.763.800
Cộng	674.296.240	149.763.800

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.455.285.273	22.219.293.920
Công cụ, dụng cụ	59.422.544	301.456.919
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.221.540.563	12.818.485.313
Thành phẩm	5.592.388.049	2.433.187.082
Hàng hóa	57.071.488	62.243.847
Cộng	37.385.707.917	37.834.667.081

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	331.168.411	119.166.667
Chi phí bảo hiểm		-
Chi phí dịch vụ	405.022.659	200.000.000
Cộng	736.191.070	319.166.667

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng của công nhân viên	48.525.400	31.989.925
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn		441.436.509
Cộng	48.525.400	473.426.434

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Hệ thống phòng cháy chữa cháy</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.414.763.065	51.466.076.229	28.233.918.271	1.649.361.770		91.764.119.335
Mua sắm mới	41.045.455	2.057.585.296	1.601.992.044	268.345.137		3.968.967.932
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	162.203.126				213.572.572	375.775.698
Số cuối kỳ	10.618.011.646	53.523.661.525	29.835.910.315	1.917.706.907	213.572.572	96.108.862.965

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

-

-

-

-

-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Cộng
sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.352.974.820	18.290.640.985	10.558.501.410	464.403.312		31.666.520.527
Khấu hao trong kỳ	986.220.470	7.559.626.699	4.156.219.891	246.959.551	2.966.286	12.951.992.897
Số cuối kỳ	3.339.195.290	25.850.267.684	14.714.721.301	711.362.863	2.966.286	44.618.513.424
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.061.788.245	33.175.435.244	17.675.416.861	1.184.958.458		60.097.598.808
Số cuối kỳ	7.278.816.356	27.673.393.841	15.121.189.014	1.206.344.044	210.606.286	51.490.349.541
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-		-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-		-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	43.750.000	120.610.000	164.360.000
Mua sắm mới	374.545.454		374.545.454
Số cuối kỳ	418.295.454	120.610.000	538.905.454
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.750.000	38.767.908	57.517.908
Khấu hao trong kỳ	53.863.641	32.362.917	86.226.558
Số cuối kỳ	72.613.641	71.130.825	143.744.466
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.000.000	81.842.092	106.842.092
Số cuối kỳ	345.681.813	49.479.175	395.160.988
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Đầu tư dài hạn khác**

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước với số lượng nắm giữ 1.245.000 cổ phiếu, tương đương 12,45% vốn điều lệ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	11.068.591.914		(280.217.519)	10.788.374.395
Công cụ, dụng cụ	361.291.075	404.689.100	(544.526.744)	221.453.431
Cộng	11.429.882.989	404.689.100	(824.744.263)	11.009.827.826

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex - Chi nhánh nhựa đường Sài Gòn	7.845.577.300	7.344.036.700
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	6.793.931.249	3.215.806.816
Công ty TNHH nhựa đường Chevron Việt Nam	10.216.302.360	15.460.300.250
Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thành Lợi		2.681.017.950
Công ty TNHH lưới thép hàn Song Hợp Lực	3.530.505.681	5.278.406.166
Công ty cổ phần phát triển đô thị	957.624.746	916.961.000
Công ty TNHH cung ứng nhựa đường	4.355.712.350	
Công ty TNHH một thành viên Văn Tiến Nghĩa	1.817.272.378	
Công ty TNHH thương mại vận tải Xuân Bảo	4.600.088.574	
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tiến Thịnh	1.208.255.400	
Các nhà cung cấp khác	9.885.062.886	24.436.447.199
Cộng	51.210.332.924	56.651.958.131

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	10.118.728.157	(10.118.728.157)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	276.445.772	111.382.435,3	(1.020.098.374)	370.171.751
Thuế thu nhập cá nhân	116.266.799	418.418.148	(483.585.103)	51.099.844
Các loại thuế khác	-	110.940.000	(110.940.000)	
Cộng	392.712.571	11.712.965.816	(11.733.351.634)	421.271.595

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.502.855.495	17.678.449.595
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	13.502.855.495	17.678.449.595
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	12.217.947.854	16.946.112.097
- Thu nhập hoạt động không được ưu đãi (thuế suất 25%)	1.284.907.641	732.337.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.375.713.874	4.419.612.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.054.486.964)	(4.236.528.024)
Thuế thu nhập doanh nghiệp quyết toán năm 2011	48.944.842	12.191.012
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	370.171.752	195.275.387

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	3.338.586.697	3.108.388.479
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	86.434.339	91.091.250
Cộng	3.425.021.036	3.199.479.729

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ	98.851.352	123.185.956
Chi phí khác	117.000.000	-
Cộng	215.851.352	123.185.956

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	308.029.318	310.572.519
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	90.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	270.232.471	257.014.514
Các khoản phải trả khác	34.111.025	520.988.694
Cộng	682.372.814	1.178.575.727

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.880.163.041	4320005345	(3.455.578.060)	4.744.590.326
Quỹ phúc lợi	1.964.999.324	1.852.658.173	(3.361.175.272)	456.482.225
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	291.404.358	308.633.176	(291.404.358)	308.633.176
Cộng	6.136.566.723	6.481.296.694	(7.108.157.690)	5.509.705.727

18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	205.580.986
Số đã chi trong kỳ	(22.161.950)
Số cuối kỳ	(183.419.036)

19. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 26.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng phúc lợi dùng để khen thưởng, nâng cao đời sống tinh thần của người lao động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	79.980.255.288	91.052.908.022
- Doanh thu bán thành phẩm	31.026.431.932	29.715.532.286
- Doanh thu thi công công trình	48.752.254.067	61.115.053.920
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	201.569.289	222.321.816
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại		(112.218.900)
Doanh thu thuần	79.980.255.288	90.940.689.122
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	31.026.431.932	29.603.313.386
- Doanh thu thi công công trình	48.752.254.067	61.115.053.920
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	201.569.289	222.321.816

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	23.219.318.243	20.712.331.028
Giá vốn thi công công trình	39.044.809.096	48.924.424.225
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	122.449.086	131.292.418
Cộng	62.386.576.425	69.768.047.671

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	787.319.110	525.217.724
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.741.863	119.476.243
Cộng	813.060.973	644.693.967

4. Chi phí bán hàng

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	659.802.303	802.956.216
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	925.885.096	591.833.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.688.755	58.789.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.521.161	158.684.542
Chi phí khác	46.629.289	26.649.419

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	2.343.526.604	1.638.913.368

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.221.868.386	735.555.531
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.453.093	124.484.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.454.039	182.213.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.872.520	99.432.718
Chi phí khác	742.650.070	1.194.985.069
Cộng	2.560.298.108	2.336.671.129

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.132.683.743	17.483.174.208
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.132.683.743	17.483.174.208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	6.131.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.313	2.851

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.948.883.449	75.420.775.341
Chi phí nhân công	4.758.887.831	4.240.468.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.967.753	3.220.596.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.638.962	2.239.161.765
Chi phí khác	789.279.359	2.095.087.259
Cộng	73.852.657.354	87.216.088.862

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	251.208.900	205.725.900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	10.761.780	8.814.290
Tiền thưởng	245.808.900	137.150.600
Cộng	507.779.580	351.690.790

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần setia Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Phí quản lý	60.419.108	56.245.410
Mua tài sản	63.000.000	
Thuê đất	404.024.721	
Cung cấp dịch vụ	203.506.288	70.048.434
Bán thành phẩm	22.044.677.420	29.014.633.500
Doanh thu thi công công trình	34.522.721.703	35.580.849.765
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Bán thành phẩm		14.588.988
Doanh thu thi công công trình	47.121.263	
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Mua nguyên vật liệu	870.567.951	1.129.401.362
Cung cấp dịch vụ		1.686.570
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	520.888.853	2.904.331.790
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV	
Doanh thu thi công công trình	838.414.373	5.587.369.200
Bán thành phẩm	1.765.667.922	387.972.750

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Thi công công trình	92.929.035.281	72.665.783.876
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Thi công công trình		6.397.319.284
Bán thành phẩm	7.521.246.168	
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Bán thành phẩm	2.469.063	1.276.961
Công ty Cổ phần Setiabecamex		
Thi công công trình	228.189.312	
Cộng nợ phải thu	100.680.939.824	79.075.297.858
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên		
Phí quản lý	43.373.480	20.623.317
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Mua nguyên vật liệu	957.624.746	916.961.000
Công ty Cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu		189.004.376
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	572.977.739	2.895.457.445
Cộng nợ phải trả	1.573.975.965	4.022.046.138

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực công thành phẩm: ống cống thoát nước các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực thi công: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

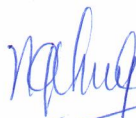
Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 27 đến trang 29.

Khu vực địa lý

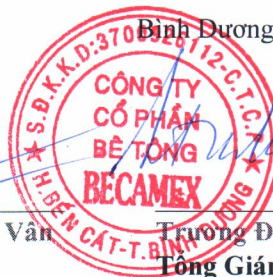
Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền nam Việt Nam.



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2012



Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	60,000,000,000			11,622,856,917	3,874,285,639	41,739,998,948
Tăng vốn trong năm	40,000,000,000	1,583,961,363				117,237,141,504
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	41,583,961,363
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	58,280,871,616
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	5,828,087,162	2,914,043,581	(39,000,000,000)
Hoàn trích do không chi hết			2,914,043,581			(6,119,491,520)
Số dư cuối năm trước	100,000,000,000	1,583,961,363	2,914,043,581	17,450,944,079	6,788,329,220	172,222,482,963
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	1,583,961,363	2,914,043,581	17,450,944,079	6,788,329,220	172,222,482,963
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	61,726,635,182
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010						(35,000,000,000)
Tạm trích lập các quỹ trong kỳ	-	(56,818,182)	-	-	3,086,331,756	(6,481,296,694)
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-					(56,818,182)
Số dư cuối kỳ	100,000,000,000	1,527,143,181	2,914,043,581	17,450,944,079	9,874,660,976	192,411,003,269

[Signature]

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán công thành phẩm	Lĩnh vực thi công	Lĩnh vực dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	31.026.431.932	48.752.254.067	201.569.289	-	79.980.255.288
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.026.431.932	48.752.254.067	201.569.289	-	79.980.255.288
Chi phí bộ phận	23.219.318.243	39.044.809.096	122.449.086		62.386.576.425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.807.113.689	9.707.444.971	79.120.203		17.593.678.863
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.903.824.712)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					12.689.854.151
Doanh thu hoạt động tài chính					813.060.973
Chi phí tài chính					7.455
Thu nhập khác					(67.084)
Chi phí khác					(370.171.752)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					13.132.683.743
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	779.570.238	69.790.697	-	-	849.360.935
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.702.821.225	1.472.680.315	-	-	3.175.501.540
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BAO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.603.313.386	61.115.053.920	222.321.816	-	90.940.689.122
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.603.313.386	61.115.053.920	222.321.816	-	90.940.689.122
Chi phí bộ phận	20.712.331.028	48.924.424.225	131.292.418	-	69.768.047.671
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.890.982.358	12.190.629.695	91.029.398	-	21.172.641.451
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(3.975.584.497)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					17.197.056.954
Doanh thu hoạt động tài chính					644.693.967
Chi phí tài chính					(217.031.964)
Thu nhập khác					3.785.692
Chi phí khác					49.944.946
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(195.275.387)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					17.483.174.208
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	608.420.285	33.448.035	-	-	641.868.320
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.555.286.888	1.208.528.057	-	-	2.763.814.945
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12)

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực thành phẩm cấu kiện	Lĩnh vực dịch vụ	...	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	128.007.357.256	56.842.139.166	194.589.956	-	-	-	185.044.086.378
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							56.951.686.360
							241.995.772.738
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.745.440.794	17.125.530.661	-	-	-	-	43.870.971.455
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							15.266.581.497
							59.137.552.952
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	94.328.981.040	69.365.635.925	441.309.822	-	-	-	164.135.926.787
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							63.538.366.915
							227.674.293.702
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	35.780.559.613	11.921.031.221	276.445.772	-	-	-	47.978.036.606
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							13.787.207.410
							61.765.244.016

Bình Dương, ngày 01 tháng 10 năm 2012



Nguyễn Thị Thúy Vân

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu